TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Quốc Quân

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 14/2019/QĐST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Cà Văn T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1996, tại: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản N, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: Cà Văn C, sinh năm 1969 và bà Quàng Thị C2, sinh năm 1972. Vợ: Vì Thị T, sinh năm 2001. Bị cáo có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại*:** Anh Vừa A S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản B, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Đình D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Cà Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Lò Văn B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Chị Vì Thị T, sinh ngày 4/12/2001. Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Vừ A X, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản D, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các **T** liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23.03.2019, Cà Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu FIVE MOST đi từ nhà đến quán điện tử của gia đình Đỗ Đắc T2 (Sinh năm 1965, trú tại bản A, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) chơi điện tử. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Vừ A X (Sinh năm 1997, trú tại bản D, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La) điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu đen, đỏ, xám biển kiểm soát 26K8 – 7226 (mượn của Vừ A S, sinh năm 1982, trú cùng bản) chở Vừ A D (Sinh năm 2004, trú cùng bản) đến quán điện tử của T2, dựng xe ở sân quán rồi vào trong nhà chơi điện tử. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, **T** lấy xe để đi về thì nhìn thấy chiếc xe máy biển kiểm soát 26K8 – 7226 không có khóa điện, biết khóa điện của xe được nối tắt, **T** nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy bán lấy tiền tiêu xài. **T** điều khiển xe máy của mình đến khu vực ngã ba đường đi vào bản Búc A, xã S, huyện Mai Sơn và để xe máy lại đây rồi lấy mũ lưỡi trai, khăn mặt trong cốp xe đội trùm lên kín mặt. Sau đó, **T** đi bộ quay lại quán điện tử của T2, quan sát xung quanh thấy không có người, **T** dắt xe máy biển kiểm soát 26K8 – 7226 ra khỏi cổng quán điện tử đi về hướng bản Cao Sơn, xã S, huyện Mai Sơn. Đi được khoảng 20 mét, **T** vào số cho xe nổ máy rồi điều khiển xe đi theo đường tỉnh lộ 110 về hướng xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Đến khu vực Bản N, xã C, huyện Mường La, **T** dừng xe trước quán sửa xe của Đặng Đình D (Sinh năm 1989, trú tại Bản N, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La) để bán chiếc xe máy vừa trộm cắp được với giá 2.000.000VNĐ. Tuy nhiên, do xe không có giấy tờ nên D nói chỉ mua xe không có giấy tờ từ người quen. Sau khi hỏi thì biết D có biết Lò Văn B, **T** mượn điện thoại của D gọi cho Lò Văn B (sinh năm 1990, trú tại bản C, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La) bảo B đến quán sửa xe của D. Khi B đến, **T** chỉ vào chiếc xe

máy vừa trộm cắp được và nói muốn bán với giá 2.000.000VNĐ. B đã trao đổi với D về chiếc xe và trao đổi về giá, cuối cùng D đưa 1.850.000VNĐ cho **T**. Sau đó B chở **T** về xã S, huyện Mai Sơn. Trên đường đi, **T** lấy 50.000VNĐ thanh toán tiền đổ xăng cho B và đưa cho B 400.000VNĐ, nói là tiền **T** cho B, B nhận và tiếp tục đi. **T** xuống xe tại ngã ba đường đi vào bản Búc A, xã S, huyện Mai Sơn còn B điều khiển xe về nhà. **T** đi bộ đến vị trí đã dựng xe máy của mình trước đó, lấy xe điều khiển về nhà. Khi về đến nhà, **T** đưa cho Vì Thị T (sinh năm 2001, trú tại bản N, xã S huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, là vợ của **T**) số tiền 1.400.000VNĐ còn lại, nói là tiền công **T** đi bốc mía thuê rồi đi ngủ. Khoảng 07 giờ ngày 24.03.2019, **T** lấy 100.000VNĐ trong ví của Thảo tiêu xài hết.

Quá trình điều tra và xác minh đến ngày 24.03.2019, Vừ A S làm đơn gửi Công an huyện Mai Sơn trình báo về việc mất trộm xe máy. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn đã triệu tập Cà Văn T đến làm việc, **T** đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp **T** sản của bản thân như trên. Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226, đã qua sử dụng do Đặng Đình D giao nộp; 01 xe máy nhãn hiệu FIVE MOST, không có biển kiểm soát (dùng làm xe thồ) do Cà Văn C giao nộp; số tiền 1.300.000VNĐ do Vì Thị T giao nộp; số tiền 400.000 VNĐ do Lò Văn B giao nộp.

Ngày 25.03.2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn trưng cầu Hội đồng định giá **T** sản huyện Mai Sơn định giá đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 đã qua sử dụng. Ngày 25.03.2019, Hội đồng định giá **T** sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá **T** sản số 235/KL-HĐĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 có giá trị còn lại là 3.800.000VNĐ.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 06/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Cà Văn T về tội Trộm cắp **T** sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà bị cáo Cà Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại Vừ A S trình bày như sau: Ngày 23.3.2019, S cho em trai là Vừ A D và Vừ A X mượn xe máy Honda Wave màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 đi chơi. Đến ngày 24.3.2019, S nhận được điện thoại của em trai Vừ A D báo chiếc xe đã bị mất tại quán điện tử của anh Đỗ Đắc T2 nên đã trình báo công an. Nguồn gốc chiếc xe do S mua của chị Trần Thị Tâm trú tại Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn năm 2016 với giá 16.000.000 VNĐ. Trong quá trình điều tra, S đã được nhận lại chiếc xe trên nên không đề nghị bị cáo

phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đình D trình bày: Ngày 24.3.2019, anh có mua chiếc xe máy Honda Wave màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 với giá 1.850.000VNĐ của Cà Văn T. Khi mua xe, anh không biết chiếc xe máy là **T** sản trộm cắp. Trong quá trình điều tra, anh đã giao nộp chiếc xe trên cho công an nên đề nghị bị cáo phải bồi hoàn cho anh số tiền 1.850.000 VNĐ đã thanh toán cho bị cáo khi mua xe. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn C (bố đẻ của bị cáo Cà Văn T) trình bày như sau: Sáng ngày 23.3.2019, Cà Văn T đã sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu FIVE MOST đi đâu không biết. Đến tối cùng ngày, **T** đi xe máy về. Đến ngày 25.3.2019, khi công an đến làm việc, ông mới biết việc Cà Văn T trộm cắp **T** sản nên đã giao nộp chiếc xe cùng quần áo **T** mặc ngày 23.3.2019. Trong quá trình điều tra, ông đã được nhận lại chiếc xe máy nhãn hiệu FIVE MOST nên không có yêu cầu gì khác.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Trộm cắp **T** sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Cà Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **T**.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại 01 xe máy nhãn hiệu FIVE MOST, không có biển kiểm soát (dùng làm xe thồ) cho ông Cà Văn C; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 cho anh Vừ A S.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đình D 1.700.000VNĐ.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác gió dài tay nhãn hiệu VOGUE màu xanh rêu; 01 quần vải màu xanh; 01 mũ lưỡi trai màu trắng nhãn hiệu GUCCI; 01 khăn mặt màu xanh; 01 đôi giày vải cao cổ màu xanh đế cao su.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại Vừ A S không yêu cầu bị cáo bồi thường; Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đình D số tiền 150.000VNĐ.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ.

Bị cáo Cà Văn T tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các **T** liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiến nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt, *x*ét hành vi của bị cáo Cà Văn T thì thấy rằng: Ngày 23.03.2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý **T** sản của Vừ A D và Vừ A X, Cà Văn T đã lén lút trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu đen, đỏ, xám biển kiểm soát 26K8 – 7226 trị giá 3.800.000VNĐ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo Cà Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo vì hám lời nên đã có hành vi trộm cắp **T** sản nên đã có hành vi trộm cắp **T** sản. Lời khai của bị cáo không có nội dung thay đổi và khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn tố giác tội phạm; sơ đồ hiện trường; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can... Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự, nhận thức rõ hành vi của bị

cáo là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lời bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp **T** sản. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp **T** sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều luật quy định:

*"1. Người nào trộm cắp **T** sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

Như vậy, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo Cà Văn T về tội Trộm cắp **T** sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về **T** sản của người bị hại và gián tiếp gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương gây bất B trong nhân dân.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Về nhân thân: Theo báo cáo của Công an xã S, bị cáo Cà Văn T có hồ sơ quản lý giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Việc sử dụng chất cấm của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý. Vì vậy, bị cáo có nhân thân xấu.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, là người sử dụng ma túy, hiện đang có hồ sơ quản lý giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000VNĐ đến 50.000.000VNĐ. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên toà thấy rằng: Bị cáo chung sống cùng bố mẹ tại bản N, xã S, huyện Mai Sơn, không có **T** sản

riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hành vi của Đặng Đình D, quá trình điều tra xác định: Ngày 23.03.2019, D không biết nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen đỏ xám, biển kiểm soát 26K8-7226 mua của Cà Văn T là do **T** trộm cắp mà có, nên hành vi của D không cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ **T** sản do người khác phạm tội mà có. Cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen đỏ xám, biển kiểm soát 26K8-7226 do anh Đặng Đình D giao nộp. Qua điều tra xác định chiếc xe là **T** sản hợp pháp của bị hại Vừ A S. Do vậy, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh Vừ A S chiếc xe trên. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu FIVE MOST (đã tháo vỏ nhựa, không gắn biển kiểm soát): Quá trình điều tra xác minh chủ sở hữu xe là Cà Văn C (bố đẻ của Cà Văn T), ông Chương không biết **T** sử dụng làm phương tiện để trộm cắp **T** sản. Do vậy, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Cà Văn C chiếc xe trên. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả số **T** sản trên cho chủ sở hữu **T** sản là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Cần chấp nhận.

Đối với số tiền 400.000VNĐ do Lò Văn B giao nộp và 1.300.000VNĐ do Vì Thị T giao nộp. Qua điều tra và tranh luận tại phiên tòa xác định: Số tiền trên là do Cà Văn T bán tài sản trộm cắp mà có. Lò Văn B và Vì Thị T không biết số tiền **T** đưa cho là tiền do **T** bán xe máy trộm cắp được mà có. Vì vậy, không đặt vấn đề xử lý đối với B và Thảo. Mặc khác, như đã nhận định ở trên, hành vi của D không cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. D hoàn toàn ngay tình khi mua chiếc xe máy Honda Wave S, màu đen đỏ xám, biển kiểm soát 26K8-7226, nên cần trả lại số tiền 1.700.000VNĐ trên cho Đặng Đình D.

Vật chứng còn lại gồm 01 áo khoác gió dài tay nhãn hiệu VOGUE màu xanh rêu; 01 quần vải màu xanh; 01 mũ lưỡi trai màu trắng nhãn hiệu GUCCI; 01 khăn mặt màu xanh; 01 đôi giày vải cao cổ màu xanh đế cao su, xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Vừ A S đã nhận lại tài sản bị mất, không bị hư hỏng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đình D đề nghị bị cáo phải bồi hoàn số tiền mua xe máy là 1.850.000VNĐ. D hoàn toàn ngay tình khi mua chiếc xe nên bị cáo phải bồi thường cho D số tiền này. Tuy nhiên, D sẽ được nhận lại số tiền 1.700.000VNĐ là vật chứng đã thu giữ trong vụ án nên cần buộc bị cáo Cà Văn T phải bồi thường tiếp cho D số tiền là 150.000VNĐ. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng Đình D số tiền 150.000VNĐ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T 08 (Tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/3/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại 01 xe máy nhãn hiệu FIVE MOST, không có biển kiểm soát (dùng làm xe thồ) cho ông Cà Văn C; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, đỏ, xám, biển kiểm soát 26K8 – 7226 cho anh Vừ A S.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đình D số tiền 1.700.000VNĐ (đã thu giữ của Vì Thị T và Lò Văn B).

Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác gió dài tay nhãn hiệu VOGUE màu xanh rêu; 01 quần vải màu xanh; 01 mũ lưỡi trai màu trắng nhãn hiệu GUCCI; 01 khăn mặt màu xanh; 01 đôi giày vải cao cổ màu xanh đế cao su.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 582, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Chấp nhận việc bị hại Vừ A S không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Đặng Đình D số tiền 150.000VNĐ.

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23, Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn), án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi, nghĩa v ụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà